



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 37

25  
CỔ  
T  
H  
V  
VH

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch
Ông Liam Hau Guan	Thành viên
Ông Đinh Văn Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên độc lập
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên độc lập

**Ban Giám đốc**

Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/01/2021)
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/01/2021)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đinh Văn Tân - Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

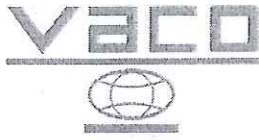
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đình Văn Tân**  
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022





Số: 190/VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

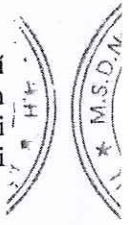
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5 và số 8, trong năm 2021, Công ty ghi nhận điều chỉnh giảm "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" số tiền 56.123.277.272 VND, "Nợ phải thu ngắn hạn khách hàng" số tiền 61.735.604.999 VND và hoàn nhập "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" số tiền 61.735.604.999 VND liên quan đến Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 6 năm 2021 cho Gói thầu số 1 thuộc Dự án Sửa chữa, nâng cấp công trình DKI/20, DKI/21, DKI/11, DKI/12 trên Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Dự án này đã được ghi nhận doanh thu trong năm 2017 theo giá trị khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng mà Công ty xác định, do đó, việc ghi nhận các điều chỉnh đã nêu trên đối với dự án này trong năm 2021 là không phù hợp theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu được ghi nhận đúng thì số liệu liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ thay đổi như sau:





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

- ❖ Bảng cân đối kế toán: chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” số cuối năm nay sẽ giảm đi 5.612.327.727 VND, chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” số cuối năm nay sẽ tăng lên 5.612.327.727 VND;
- ❖ Bảng cân đối kế toán: chỉ tiêu “Phải thu khách hàng ngắn hạn” số đầu năm sẽ giảm đi 61.735.604.999 VND, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu khó đòi” số đầu năm sẽ giảm đi 61.735.604.999 VND, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” số đầu năm sẽ giảm đi 5.612.327.727 VND, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước” số đầu năm sẽ tăng lên 5.612.327.727 VND;
- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” số năm nay sẽ tăng lên 56.123.277.272 VND, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” số năm nay sẽ tăng lên 61.735.604.999 VND, chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp” số năm nay sẽ giảm đi 5.612.327.727 VND.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số 0211/2021/BCTC-KTV ngày 30 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản doanh thu ghi nhận không đúng niên độ tại thời điểm đầu năm 2020, phân bổ các khoản chi phí phát sinh năm 2019 tại Cảng Sao Mai Bến Đình cho các dự án không thực hiện tại Cảng và phân bổ chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp thi công công trình xây lắp.



**Lê Xuân Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Phạm Hoàng Việt**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>586.934.119.541</b>	<b>692.689.174.424</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>93.076.032.286</b>	<b>65.662.030.920</b>
1. Tiền	111		40.390.643.914	37.492.329.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.685.388.372	28.169.701.747
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>237.943.988.926</b>	<b>225.503.335.807</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	229.651.964.791	328.658.124.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.569.258.238	3.443.711.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.720.861.881	10.197.733.880
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.998.095.984)	(116.796.234.011)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>237.545.362.230</b>	<b>384.838.006.748</b>
1. Hàng tồn kho	141		357.991.306.400	500.745.744.486
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(120.445.944.170)	(115.907.737.738)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.368.736.099</b>	<b>16.685.800.949</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	197.503.221	909.935.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.776.792.979	4.910.018.748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	10.394.439.899	10.865.846.979
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>571.721.634.124</b>	<b>625.911.939.018</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>452.698.936.522</b>	<b>494.713.329.638</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	442.473.428.384	483.974.516.892
- Nguyên giá	222		935.754.961.233	937.890.117.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(493.281.532.849)	(453.915.600.514)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.225.508.138	10.738.812.746
- Nguyên giá	228		28.555.904.162	28.555.904.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.330.396.024)	(17.817.091.416)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>25.986.943.376</b>	<b>25.029.241.345</b>
- Nguyên giá	231		38.580.011.964	35.704.384.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.593.068.588)	(10.675.143.493)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.593.639.558</b>	<b>1.593.639.558</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.593.639.558	1.593.639.558
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.050.000.000	5.050.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>91.387.114.668</b>	<b>104.520.728.477</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	91.387.114.668	104.520.728.477
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.158.655.753.665</b>	<b>1.318.601.113.442</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>816.424.992.045</b>	<b>977.577.077.852</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>812.517.772.525</b>	<b>974.687.775.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	553.453.325.024	408.332.048.224
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	39.253.786.062	143.212.671.713
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	23.902.993.052	23.728.328.038
4. Phải trả người lao động	314		19.848.489.752	25.636.866.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	62.984.729.757	228.670.425.835
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.727.613	3.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.989.812.770	16.023.541.676
8. Vay ngắn hạn	320	20	85.617.133.595	120.279.267.267
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	1.831.227.000	4.037.377.467
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.538.547.900	4.764.247.900
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.907.219.520</b>	<b>2.889.302.754</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		488.285.120	584.629.733
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	802.434.400	774.188.400
3. Vay dài hạn	338	20	-	1.530.484.621
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	2.616.500.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>342.230.761.620</b>	<b>341.024.035.590</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>342.230.761.620</b>	<b>341.024.035.590</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.251.400.000	13.251.400.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.258.894.332	92.258.894.332
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(363.279.512.712)	(364.486.238.742)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(364.486.238.742)	(367.872.276.112)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.206.726.030	3.386.037.370
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.158.655.753.665</b>	<b>1.318.601.113.442</b>



Đinh Văn Tân  
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Phạm Ngọc Tú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm nay	Năm trước
		minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.081.502.091.463	1.136.967.348.176
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	25	1.081.502.091.463	1.136.967.348.176
3. Giá vốn hàng bán	11	26	1.156.228.513.755	1.090.806.588.294
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(74.726.422.292)	46.160.759.882
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.438.267.919	962.160.299
6. Chi phí tài chính	22	29	9.596.147.652	10.905.396.761
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.486.581.245	10.860.366.180
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(79.751.178.891)	31.904.151.836
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(3.133.123.134)	4.313.371.584
9. Thu nhập khác	31		5.121.562.089	829.281.309
10. Chi phí khác	32		781.712.925	3.277.849.261
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.339.849.164	(2.448.567.952)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.206.726.030	1.864.803.632
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	(1.521.233.738)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.206.726.030	3.386.037.370
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	20	56



Đình Văn Tân  
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Phạm Ngọc Tú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.206.726.030	1.864.803.632
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	41.797.162.038	50.077.455.331
- Các khoản dự phòng	03	(103.849.582.062)	(496.230.717)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(295.603.911)	(294.189.222)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.080.466.739)	(332.422.230)
- Chi phí lãi vay	06	9.486.581.245	10.860.366.180
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(52.735.183.399)	61.679.782.974
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	94.000.185.473	(5.703.763.320)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	142.754.438.086	(207.945.238.628)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(122.900.066.222)	141.564.448.196
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.846.045.810	(13.662.951.681)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.581.258.819)	(10.960.934.181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.350.125	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.120.003.683)	(2.593.705.401)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>63.306.507.371</b>	<b>(37.622.362.041)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(740.470.953)	(471.253.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.838.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.042.399.023	557.136.284
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>301.928.070</b>	<b>1.924.156.011</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	486.709.409.326	326.793.838.674
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(522.902.027.619)	(314.910.885.740)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(12.996.533.226)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.192.618.293)</b>	<b>(1.113.580.292)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>27.415.817.148</b>	<b>(36.811.786.322)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>65.662.030.920</b>	<b>102.507.019.226</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.815.782)	(33.201.984)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>93.076.032.286</b>	<b>65.662.030.920</b>



Đinh Văn Tân  
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Phạm Ngọc Tú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Lan  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3500834094 đăng ký lần đầu ngày 26/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/7/2020.

Vốn điều lệ của Công ty là: 600.000.000.000 VND chia thành 60.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 02 tháng 6 năm 2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là PXS.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 944 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 962 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; Chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình Lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp Quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình Khảo sát địa hình, địa chất công trình Thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình; Thiết kế hệ thống điện, phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ khí công trình dầu khí; Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất, chế biến khí; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; công trình điện áp dưới 220KV; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng, cơ điện, cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ); Thiết kế đường ống công nghệ công trình dầu khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động- Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm);
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Đào tạo nâng cao CBCN kỹ thuật chuyên ngành;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền), xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển, xây dựng đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ; Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cơ khí công trình dân dụng & công nghiệp;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Đóng tàu, giàn khoan trên đất liền, ngoài biển
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải bằng xe ô tô, container;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn thiết bị nâng hạ, vận chuyển, thi công;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ hàng hải: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; dịch vụ vệ sinh tàu biển; dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng dịch vụ dầu khí Cung cấp dịch vụ hạ thủy, nâng hạ Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng. Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Xí nghiệp Dịch vụ Cảng	Khu căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Khảo sát, thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, khối thượng tầng, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 225.583.652.984 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 281.998.600.674 VND), ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng trong năm tới Công ty tiếp tục tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và cải thiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh số 14;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:* Chi phí thuê được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 49 năm kể từ ngày 16/9/2010.

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Công ty có quyền sử dụng đất tại Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 3.570,9 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng 32 năm.

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là phần diện tích sàn Tầng 01, 02 và 03 của công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình; Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí VN (PVC)	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	Cùng chủ sở hữu (PVC)
CN xây lắp công trình dầu khí Phía Bắc - PVC	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Trường cao đẳng nghề dầu khí	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Cùng chủ sở hữu (PVC)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh  
Vũng Tàu

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố  
Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD

Công ty TNHH Công đoàn Dầu khí Việt Xô

Viện Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí  
Biển Đông

Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí VN

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam

Công ty Bảo hiểm PVI Vũng tàu

Trường đại học dầu khí Việt Nam

Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC

Chi nhánh giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí  
Việt Nam (PV NDT)

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PV OIL Vũng  
Tàu)

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)

Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công  
trình Dầu khí biển PTSC

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình

**Mối quan hệ**

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí  
Việt Nam (Chủ sở hữu của PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu  
Việt Nam (cùng chủ sở hữu với  
PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Dầu  
Việt Nam (cùng chủ sở hữu với  
PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ  
phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí  
Việt Nam (cùng chủ sở hữu với  
PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ  
phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí  
Việt Nam (cùng chủ sở hữu với  
PVC)

Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ  
phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí  
Việt Nam (cùng chủ sở hữu với  
PVC)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	Đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (cùng chủ sở hữu với PVC)
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trong Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (cùng chủ sở hữu với PVC)
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	12.147.954	123.753.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	40.378.495.960	37.368.575.453
Các khoản tương đương tiền	52.685.388.372	28.169.701.747
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>52.685.388.372</i>	<i>28.169.701.747</i>
<b>Cộng</b>	<b>93.076.032.286</b>	<b>65.662.030.920</b>

- (i) Trong số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm 1.858.142.521 VND (tại ngày 01/01/2021 là 1.857.755.236 VND) là tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>35.203.194.282</b>		<b>56.189.045.936</b>	
Ban điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái bình 2	29.518.977.015		44.345.530.605	
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.355.905.678		562.347.790	
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	1.274.225.185		2.902.411.052	
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	1.240.959.367		1.240.959.367	
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	210.186.648		325.998.117	
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.156.144		200.156.144	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	195.228.500		195.228.500	
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	194.186.345		6.285.214.745	
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	13.369.400		13.369.400	
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-		117.830.216	
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>194.448.770.509</b>		<b>272.469.078.182</b>	
Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	130.681.828.481		108.251.012.834	
Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (Lilama)	22.878.964.004		22.918.044.568	
Ban quản lý dự án công trình DKI (i)	19.269.012.750		116.734.967.999	
Khác	21.618.965.274		24.565.052.781	
<b>Cộng</b>	<b>229.651.964.791</b>		<b>328.658.124.118</b>	

- (i) Trong năm, Công ty ghi giảm công nợ phải thu Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 6 năm 2021 với giá trị 61.735.604.999 VND.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>1.072.238.743</b>		<b>1.072.238.743</b>	
Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Dầu khí	718.342.062		718.342.062	
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	353.896.681		353.896.681	
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>1.497.019.495</b>		<b>2.371.473.077</b>	
<b>Cộng</b>	<b>2.569.258.238</b>		<b>3.443.711.820</b>	

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.720.861.881</b>	<b>(664.545.103)</b>	<b>10.197.733.880</b>	<b>(770.799.782)</b>
Tạm ứng cho nhân viên	2.485.574.176	(314.739.631)	1.769.843.075	(314.739.631)
Ký quỹ, ký cược	6.015.965.150	-	6.037.381.793	-
Tiền lãi dự thu	60.132.219	-	22.064.503	-
Khác	5.159.190.336	(349.805.472)	2.368.444.509	(456.060.151)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.725.861.881</b>	<b>(664.545.103)</b>	<b>10.202.733.880</b>	<b>(770.799.782)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Phải thu khách hàng</b>	<b>7.190.723.309</b>	<b>211.071.109</b>	<b>117.015.985.887</b>	<b>(115.671.537.548)</b>
Ban quản lý dự án 5B - Cảng xuất SP	3.658.243.771	-	3.658.243.771	(3.658.243.771)
NMLD DQ				
Phí vận hành chung cư	766.677.002	-	766.677.002	(766.677.002)
Công ty TNHH xây lắp Nhật Minh	617.267.228	-	617.267.228	(617.267.228)
MEPCOM OFFSHORE AND MARINE	249.213.690	-	249.213.690	(249.213.690)
PTE LTD				
Công ty Cổ phần thi công cơ giới & Lắp máy DK (PVC-ME)	200.156.144	-	200.156.144	(200.156.144)
Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu Khí.	195.228.500	-	195.228.500	(195.228.500)
Tiền sử dụng điện, nước sinh hoạt của các hộ Chung cư	189.819.000	-	189.819.000	(189.819.000)
Tiền gửi xe	180.000.003	-	180.000.003	(180.000.003)
Công ty TNHH Xây dựng Cường Hà	137.808.360	-	137.808.360	(96.465.853)
Ban Quản lý dự án DKI (i)	-	-	104.867.326.000	(104.867.326.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng PTSC	-	-	553.038.200	(553.038.200)
Khách hàng khác	996.311.611	211.071.109	5.401.207.988	(4.098.102.157)
<b>b) Trả trước cho người bán</b>	<b>353.896.681</b>	<b>(353.896.681)</b>	<b>353.896.681</b>	<b>(353.896.681)</b>
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An - Bên liên quan	353.896.681	-	353.896.681	(353.896.681)
<b>c) Phải thu khác</b>	<b>664.545.103</b>	<b>(664.545.103)</b>	<b>770.799.782</b>	<b>(770.799.782)</b>
Huyền Kim Quy	530.837.752	-	530.837.752	(530.837.752)
Phạm Hải Nam	132.166.000	-	133.000.000	(133.000.000)
Phí trước bạ phải thu các hộ dân	1.541.351	-	106.962.030	(106.962.030)
<b>Cộng</b>	<b>8.209.167.093</b>	<b>211.071.109</b>	<b>118.140.682.350</b>	<b>(116.796.234.011)</b>

(i) Trong năm, Công ty ghi giảm công nợ phải thu Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khôi lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 6 năm 2021 với giá trị 61.735.604.999 VND và xác định giá trị còn phải thu sẽ thu hồi được. Do đó, Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi cho số dư phải thu đối tượng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	977.876.274	(80.830.800)	2.456.864.304	(80.830.800)
Công cụ, dụng cụ	3.907.535.998	-	4.192.296.389	-
Chi phí SXKD dở dang	353.105.894.128	(120.365.113.370)	494.096.583.793	(115.826.906.938)
<b>Cộng</b>	<b>357.991.306.400</b>	<b>(120.445.944.170)</b>	<b>500.745.744.486</b>	<b>(115.907.737.738)</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>197.503.221</b>	<b>909.935.222</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	197.503.221	725.054.810
Chi phí khác	-	184.880.412
<b>b) Dài hạn</b>	<b>91.387.114.668</b>	<b>104.520.728.477</b>
Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	84.220.991.796	86.313.551.892
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.166.122.872	18.207.176.585
<b>Cộng</b>	<b>91.584.617.889</b>	<b>105.430.663.699</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.394.439.899	-	-	10.394.439.899
Thuế thu nhập cá nhân	471.407.080	471.407.080	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.865.846.979</b>	<b>471.407.080</b>	<b>-</b>	<b>10.394.439.899</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	23.708.037.945	23.833.333.842	(23.809.876.526)	23.731.495.261
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.104.858.364	(3.104.858.364)	-
Thuế nhập khẩu	-	454.537.213	(454.537.213)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.576.553.018	(1.405.055.227)	171.497.791
Các loại thuế, phí khác	20.290.093	80.662.489	(100.952.582)	-
<b>Cộng</b>	<b>23.728.328.038</b>	<b>29.049.944.926</b>	<b>(28.875.279.912)</b>	<b>23.902.993.052</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Bình,  
Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	671.029.987.226	220.992.695.666	35.180.455.074	10.686.979.440	937.890.117.406
- Mua trong năm	-	-	-	46.354.545	46.354.545
- Tăng do chuyển từ Bất động sản đầu tư	469.562.845	-	-	-	469.562.845
- Giảm do chuyển sang Bất động sản đầu tư	(2.651.073.563)	-	-	-	(2.651.073.563)
Số dư cuối năm	668.848.476.508	220.992.695.666	35.180.455.074	10.733.333.985	935.754.961.233
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	245.614.204.520	163.486.034.843	34.157.715.226	10.657.645.925	453.915.600.514
- Khấu hao trong năm	26.313.854.492	12.916.600.123	759.422.429	26.877.158	40.016.754.202
- Tăng do chuyển từ Bất động sản đầu tư	148.227.256	-	-	-	148.227.256
- Giảm do chuyển sang Bất động sản đầu tư	(799.049.123)	-	-	-	(799.049.123)
Số dư cuối năm	271.277.237.145	176.402.634.966	34.917.137.655	10.684.523.083	493.281.532.849
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	425.415.782.706	57.506.660.823	1.022.739.848	29.333.515	483.974.516.892
Số dư cuối năm	397.571.239.363	44.590.060.700	263.317.419	48.810.902	442.473.428.384

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 197.696.747.467 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 164.332.827.964 VND).

Một số tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 20) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 65.144.785.477 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 74.950.982.444 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
Số dư cuối năm	15.166.470.000	13.389.434.162	28.555.904.162
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	4.833.328.883	12.983.762.533	17.817.091.416
- Khấu hao trong năm	413.668.608	99.636.000	513.304.608
Số dư cuối năm	5.246.997.491	13.083.398.533	18.330.396.024
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	10.333.141.117	405.671.629	10.738.812.746
Số dư cuối năm	9.919.472.509	306.035.629	10.225.508.138

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 13.090.526.162 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13.090.526.162 VND).

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	35.704.384.838	35.704.384.838
- Tăng do chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	2.651.073.563	2.651.073.563
- Sửa chữa lớn	674.459.500	674.459.500
- Tăng khác	19.656.908	19.656.908
- Giảm do chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(469.562.845)	(469.562.845)
Số dư cuối năm	38.580.011.964	38.580.011.964
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	10.675.143.493	10.675.143.493
- Khấu hao trong năm	1.267.103.228	1.267.103.228
- Tăng do chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	799.049.123	799.049.123
- Giảm do chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(148.227.256)	(148.227.256)
Số dư cuối năm	12.593.068.588	12.593.068.588
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	25.029.241.345	25.029.241.345
Số dư cuối năm	25.986.943.376	25.986.943.376

**Danh mục Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế
Phòng máy Tầng hầm - Tòa nhà số 2 Nguyễn Hữu Cánh	328.693.992	109.237.320
Tầng 1, 2, 3 - Tòa nhà số 2 Nguyễn Hữu Cánh	34.906.128.001	11.599.999.035
Căn nhà 28 Nguyễn Hữu Cánh	694.116.408	2.827.881
Một phần Tầng 4 - Tòa nhà số 2 Nguyễn Hữu Cánh	2.651.073.563	881.004.352
<b>Cộng</b>	<b>38.580.011.964</b>	<b>12.593.068.588</b>

Công ty đã dùng toàn bộ Bất động sản đầu tư để thế chấp cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 20).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thới Nhứt,  
Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	(*)	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.050.000.000</b>		<b>(5.000.000.000)</b>	<b>5.050.000.000</b>
				Dự phòng VND
				(*)
				(*)
				<b>(5.000.000.000)</b>
				<b>(5.000.000.000)</b>

(i) Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, số Lễ lũy kế của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% trên giá trị khoản đầu tư.

(\*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>42.890.672.094</b>	<b>42.890.672.094</b>	<b>53.395.249.501</b>	<b>53.395.249.501</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	16.478.057.577	16.478.057.577	20.746.507.509	20.746.507.509
Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	8.119.724.549	8.119.724.549	6.268.409.073	6.268.409.073
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584	4.756.639.584
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển - Petrosetco	-	-	3.497.574.970	3.497.574.970
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	3.423.390.515	3.423.390.515	3.507.577.674	3.507.577.674
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP (PVE)	1.891.055.319	1.891.055.319	2.274.571.394	2.274.571.394
Công ty CP Sản xuất ống thép Dầu khí VN	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684	1.623.094.684
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.564.723.844	1.564.723.844	1.714.723.844	1.714.723.844
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	989.874.839	989.874.839	989.874.839	989.874.839
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	900.073.363	900.073.363	1.100.073.363	1.100.073.363
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PV OIL Vũng Tàu)	796.493.131	796.493.131	1.975.800.851	1.975.800.851
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	397.877.829	397.877.829	397.877.829	397.877.829
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	-	-	1.044.106.790	1.044.106.790
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	358.851.081	358.851.081	606.113.697	606.113.697
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	340.919.149	340.919.149	-	-
CN Xây lắp Công trình Dầu khí Phía Bắc - PVC	278.440.483	278.440.483	278.440.483	278.440.483
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	254.760.000	254.760.000	-	-
Công ty TNHH Khí hóa lỏng VN VT GAS	165.884.625	165.884.625	165.884.625	165.884.625
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	151.456.312	151.456.312	246.555.998	246.555.998
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC- HN)	135.220.650	135.220.650	135.220.650	135.220.650
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	109.000.000	109.000.000	109.000.000	109.000.000
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	72.000.000	72.000.000	32.000.000	32.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	44.000.000	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	24.881.235	24.881.235	325.685.926	325.685.926
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	14.253.325	14.253.325	47.347.070	47.347.070
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	-	664.405.938	664.405.938
Liên doanh Việt - Nga Vietsoyapetro	-	-	472.138.000	472.138.000
Chi nhánh Giải pháp Công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam (PV NDT)	-	-	371.624.710	371.624.710
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>510.562.652.930</b>	<b>510.562.652.930</b>	<b>354.936.798.723</b>	<b>354.936.798.723</b>
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.995.517.340	99.995.517.340	22.069.082.919	22.069.082.919
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	65.978.955.914	65.978.955.914	66.855.536.839	66.855.536.839
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí Miền Nam - ALPHA	46.693.404.421	46.693.404.421	48.045.769.083	48.045.769.083
S-Tank Engineering Co., Ltd	36.828.871.782	36.828.871.782	13.410.997.068	13.410.997.068
Công ty Cổ phần Lilama 18	34.247.524.725	34.247.524.725	20.026.995.611	20.026.995.611
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn	30.014.290.466	30.014.290.466	18.736.455.489	18.736.455.489
Khác	196.804.088.282	196.804.088.282	165.791.961.714	165.791.961.714
<b>Cộng</b>	<b>553.453.325.024</b>	<b>553.453.325.024</b>	<b>408.332.048.224</b>	<b>408.332.048.224</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>38.943.037.735</b>	<b>47.207.091.708</b>
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	28.629.119.906	37.303.173.879
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	9.903.917.829	9.903.917.829
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	410.000.000	-
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>310.748.327</b>	<b>96.005.580.005</b>
Công ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	-	95.291.936.043
Khác	310.748.327	713.643.962
<b>Cộng</b>	<b>39.253.786.062</b>	<b>143.212.671.713</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thi công các dự án	61.696.440.950	227.352.112.176
Phí bản quyền nhãn hiệu PVN	1.125.779.168	1.125.779.168
Chi phí lãi vay	162.509.639	192.534.491
<b>Cộng</b>	<b>62.984.729.757</b>	<b>228.670.425.835</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.989.812.770</b>	<b>16.023.541.676</b>
Kinh phí công đoàn	6.545.152.497	5.144.335.697
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.876.968.695	247.855.145
Phải trả cổ tức cho cổ đông	36.203.277	36.203.277
Lãi vay phải trả	3.060.925.732	4.125.578.454
Các quỹ ừng hộ	2.710.465.999	2.553.527.879
Khác	3.760.096.570	3.916.041.224
<b>b) Dài hạn</b>	<b>802.434.400</b>	<b>774.188.400</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	802.434.400	774.188.400
<b>Cộng</b>	<b>21.792.247.170</b>	<b>16.797.730.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ**

Số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Bình, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

MÃ SỐ B 09-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	120.279.267.267	120.279.267.267	488.239.893.947	85.617.133.595
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	69.998.728.109	69.998.728.109	482.549.328.390	70.940.704.570
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	9.646.914.651	9.646.914.651	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	9.245.862.341	9.245.862.341	2.964.080.936	2.919.653.993
Vay cá nhân (iii)	28.148.611.064	28.148.611.064	1.196.000.000	11.756.775.032
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.239.151.102	3.239.151.102	1.530.484.621	-
<i>b) Vay dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.530.484.621	1.530.484.621	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121.809.751.888</b>	<b>121.809.751.888</b>	<b>488.239.893.947</b>	<b>85.617.133.595</b>

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cấp tín dụng số 16084.21.551.936443.TD ngày 31 tháng 3 năm 2021 và văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 16084.21.551.936443.TD.PL01 ngày 04 tháng 6 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động thực hiện gói thầu A2 "Kho chứa và các đường ống dẫn liên kết" của dự án tổ hợp LSP theo hợp đồng số LSP-CA-147 ký ngày 25/06/2018. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30 tháng 3 năm 2022, lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ. Công ty đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc của khu phức hợp Chung cư Cao ốc Văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thới Bình, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng số 51/21/HĐHM-9232 ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PL/HĐ/52/21/HĐHM-9232 ngày 25 tháng 5 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận của hai bên theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành/hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và đối tác là Liên doanh Việt - Nga Vietsopectro
- (iii) Khoản vay từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, chịu lãi suất từ 6%/năm đến 18%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.831.227.000</b>	<b>4.037.377.467</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	2.151.301.217
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.831.227.000	1.886.076.250
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.616.500.000</b>	-
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.616.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.447.727.000</b>	<b>4.037.377.467</b>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(367.872.276.112)	337.637.998.220
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.386.037.370	3.386.037.370
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(364.486.238.742)	341.024.035.590
- Lãi trong năm	-	-	-	-	1.206.726.030	1.206.726.030
Số dư cuối năm nay	600.000.000.000	13.251.400.000	(20.000)	92.258.894.332	(363.279.512.712)	342.230.761.620

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2	2
- Cổ phiếu phổ thông	2	2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.999.998	59.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	59.999.998	59.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500834094 thay đổi lần thứ 13 ngày 06 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí VN (PVC)	305.845.330.000	50,97%	305.845.330.000	50,97%
Công ty TNHH Meccom Offshore & Marine	60.000.000.000	10,00%	60.000.000.000	10,00%
Cổ đông khác	234.154.650.000	39,03%	234.154.650.000	39,03%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
<b>Cộng</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>600.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	5.827,57	22.402,53
<b>Nợ khó đòi đã xử lý (Không thu hồi được)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu khách hàng	1.071.178.245	1.071.178.245
Các khoản trả trước, tạm ứng	324.610.523	324.610.523
<b>Cộng</b>	<b>1.395.788.768</b>	<b>1.395.788.768</b>

**24. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động cung cấp dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí cho các dự án khai thác, vận chuyển, tàng trữ và chế biến dầu khí chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí nằm trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**25. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu xây lắp (*)	1.035.310.289.681	1.105.342.292.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.191.801.782	31.625.055.322
<i>Trong đó: Doanh thu cho thuê bất động sản</i>	<i>3.315.312.447</i>	<i>3.478.031.413</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.081.502.091.463</b>	<b>1.136.967.348.176</b>
<b><i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i></b>	<b><i>34.822.773.507</i></b>	<b><i>40.621.178.801</i></b>
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	16.003.188.511	834.894.594
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	9.656.846.331	34.651.560.509
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	3.379.654.350	2.675.975.320
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3.191.795.377	119.445.257
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	2.451.855.160	513.963.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	87.355.828	2.008.981.611
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí (PVD)	52.077.950	110.998.516
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải PTSC	-	124.296.224
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	107.118.378
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	(526.055.508)

(\*) Trong năm, Công ty ghi giảm doanh thu đối với Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 6 năm 2021 với giá trị chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 56.123.277.272 VND (phần doanh thu này đã được ghi nhận từ năm 2017).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	1.109.129.846.635	1.068.340.198.647
Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.560.460.688	22.466.389.647
<i>Trong đó: Giá vốn cho thuê bất động sản</i>	<i>2.457.365.494</i>	<i>1.918.149.661</i>
Dự phòng công trình	4.538.206.432	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.156.228.513.755</u></b>	<b><u>1.090.806.588.294</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.094.539.900	231.833.827.527
Chi phí nhân công	180.653.890.397	172.503.820.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.794.334.157	50.077.455.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.576.297.513	870.660.371.439
Chi phí khác	10.688.438.327	8.276.559.496
<b>Cộng</b>	<b><u>1.038.807.500.294</u></b>	<b><u>1.333.352.034.061</u></b>

**28. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.080.466.739	579.160.243
Lãi chênh lệch tỷ giá	357.801.180	383.000.056
<b>Cộng</b>	<b><u>1.438.267.919</u></b>	<b><u>962.160.299</u></b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.486.581.245	10.860.366.180
Lỗ chênh lệch tỷ giá	109.566.407	45.030.581
<b>Cộng</b>	<b><u>9.596.147.652</u></b>	<b><u>10.905.396.761</u></b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.724.958.806	18.628.501.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	856.958.542	783.379.274
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.049.535.049	3.199.089.369
Thuế, phí và lệ phí	6.280.299	14.941.933
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng (*)	(107.859.061.527)	1.800.577.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.371.179.860	3.202.915.613
Các khoản chi phí khác	5.098.970.080	4.274.747.549
<b>Cộng</b>	<b><u>(79.751.178.891)</u></b>	<b><u>31.904.151.836</u></b>

(\*) Bao gồm khoản hoàn nhập Dự phòng phải thu Ban Quản lý dự án công trình DKJ theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 6 năm 2021 với giá trị 61.735.604.999 VND (Thuyết minh số 8).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.206.726.030	1.864.803.632
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.206.726.030)</b>	<b>(1.864.803.632)</b>
Cộng: Chi phí không được trừ	1.340.947.451	3.402.827.135
Cộng: Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu năm nay	1.815.782	33.201.984
Cộng: Chi phí dự phòng năm trước hoàn nhập năm nay	41.342.509	-
Cộng: Công nợ khó đòi và Chi phí phân bổ theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2017	-	478.936.529
Trừ: Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu năm trước	(33.201.984)	(14.432.441)
Trừ: Lãi từ doanh thu chưa thực hiện từ thuê mua tài chính (đã tính thuế năm 2017)	(96.344.613)	(121.949.971)
Trừ: Chi phí dự phòng năm nay	-	(148.665.808)
Trừ: Chi phí lãi vay không được khấu trừ các năm trước	(2.461.285.175)	(5.494.721.060)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Điều chỉnh Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017</b>	<b>-</b>	<b>(1.521.233.738)</b>
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>(1.521.233.738)</b>

Chi phí lãi vay không được trừ được chuyển cho các năm tính thuế tiếp theo theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 như sau:

Năm phát sinh	Thời gian được chuyển	Chi phí lãi vay chưa được trừ	Lãi vay đã chuyển	Lãi vay
			vào thu nhập tính thuế TNDN	còn được chuyển
			VND	VND
2019	2020 - 2024	14.936.577.850	(7.956.006.235)	6.980.571.615
<b>Cộng</b>		<b>14.936.577.850</b>	<b>(7.956.006.235)</b>	<b>6.980.571.615</b>

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	1.206.726.030	3.386.037.370
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.206.726.030</b>	<b>3.386.037.370</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.999.998	59.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	56
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	85.617.133.595	121.809.751.888
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(93.076.032.286)	(65.662.030.920)
Nợ thuần	-	56.147.720.968
Vốn chủ sở hữu	342.230.761.620	341.024.035.590
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	-	<b>0,16</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.076.032.286	93.076.032.286	65.662.030.920	65.662.030.920
Phải thu khách hàng	222.672.310.591	222.672.310.591	212.986.586.570	212.986.586.570
Phải thu khác	10.890.482.233	10.890.482.233	7.976.830.654	7.976.830.654
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>326.688.825.110</b>	<b>326.688.825.110</b>	<b>286.675.448.144</b>	<b>286.675.448.144</b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính	85.617.133.595	85.617.133.595	121.809.751.888	121.809.751.888
Phải trả người bán	553.453.325.024	553.453.325.024	408.332.048.224	408.332.048.224
Chi phí phải trả	61.696.440.950	61.696.440.950	227.352.112.176	227.352.112.176
Phải trả khác	6.857.225.579	6.857.225.579	8.077.647.087	8.077.647.087
<b>Tổng cộng</b>	<b>707.624.125.148</b>	<b>707.624.125.148</b>	<b>765.571.559.375</b>	<b>765.571.559.375</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

10/10/11



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.076.032.286	-	-	93.076.032.286
Phải thu khách hàng	222.672.310.591	-	-	222.672.310.591
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Phải thu khác	10.885.482.233	5.000.000	-	10.890.482.233
<b>Tổng cộng</b>	<b>326.633.825.110</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>326.688.825.110</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	85.617.133.595	-	-	85.617.133.595
Phải trả người bán	553.453.325.024	-	-	553.453.325.024
Chi phí phải trả	61.696.440.950	-	-	61.696.440.950
Phải trả khác	6.054.791.179	802.434.400	-	6.857.225.579
<b>Tổng cộng</b>	<b>706.821.690.748</b>	<b>802.434.400</b>	-	<b>707.624.125.148</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(380.187.865.638)</b>	<b>(797.434.400)</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(380.935.300.038)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.662.030.920	-	-	65.662.030.920
Phải thu khách hàng	212.986.586.570	-	-	212.986.586.570
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	50.000.000	50.000.000
Phải thu khác	7.971.830.654	5.000.000	-	7.976.830.654
<b>Tổng cộng</b>	<b>286.620.448.144</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>286.675.448.144</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	120.279.267.267	1.530.484.621	-	121.809.751.888
Phải trả người bán	408.332.048.224	-	-	408.332.048.224
Chi phí phải trả	227.352.112.176	-	-	227.352.112.176
Phải trả khác	7.303.458.687	774.188.400	-	8.077.647.087
<b>Tổng cộng</b>	<b>763.266.886.354</b>	<b>2.304.673.021</b>	-	<b>765.571.559.375</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(476.646.438.210)</b>	<b>(2.299.673.021)</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(478.896.111.231)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 05, 06, 08, 16, 17, 21 và 24; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>	<b>37.142.145.144</b>	<b>38.253.987.766</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	12.857.871.815	7.778.185.996
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	9.194.243.463	10.376.403.454
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	6.806.637.103	8.032.577.654
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	3.677.629.822	4.090.320.189
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến đĩnh	2.975.578.394	5.002.784.351
Ban điều hành dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	653.039.059	613.065.572
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	483.276.875	1.092.060.983
Công ty Cổ phần Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	231.600.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	105.283.154	-
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	87.272.724	58.181.818
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	41.992.735	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	27.720.000	710.361.715
Viện Dầu khí Việt Nam	-	306.818.180
Công ty Cổ phần Bọc ống dầu khí Việt nam	-	137.703.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	49.080.381
Ban điều hành các dự án của PVC tại Phía Nam	-	6.444.473

**Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc trong năm:**

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>759.665.000</b>	<b>754.756.000</b>
Ông Đinh Văn Hưng	Chủ tịch	399.665.000	439.756.000
Ông Lim Hau Guan	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	120.000.000	60.000.000
Ông Lương Phi Hùng	Thành viên	120.000.000	60.000.000
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2020)	-	45.000.000
Ông Vũ Minh Công	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2020)	-	30.000.000
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		<b>1.638.364.000</b>	<b>1.707.209.000</b>
Ông Đinh Văn Tân	Giám đốc	355.798.000	310.254.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	331.759.000	267.815.000
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 14/01/2021)	331.759.000	369.007.000
Ông Trần Quang Ngọc	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 29/6/2020)	329.971.000	189.488.000
Ông Phan Khắc Mẫn	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 12/8/2020)	289.077.000	139.577.000
Ông Trần Sỹ Huân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/9/2020)	-	241.655.000
Ông Trần Vũ Phục	Quyền Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)	-	189.413.000
<b>Cộng</b>		<b>2.398.029.000</b>	<b>2.461.965.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 60.132.219 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được nhưng đã bao gồm 22.064.503 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

**37. THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như các chính sách vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao của các chủ đầu tư.



**Đình Văn Tân**  
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Phạm Ngọc Tú**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Phương Lan**  
Người lập biểu

